

Số:/2024/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

THÔNG TƯ

Hướng dẫn quản lý Dự án khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 28/2023/NĐ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư hướng dẫn quản lý Dự án khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn quản lý Dự án khoa học và công nghệ cấp quốc gia (sau đây viết tắt là Dự án KH&CN) sử dụng ngân sách nhà nước được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 25 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ.

2. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Dự án khoa học và công nghệ (KH&CN) là nhiệm vụ KH&CN giải quyết các vấn đề KH&CN chủ yếu phục vụ việc sản xuất một sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm trọng điểm, chủ lực có tác động nâng cao trình độ công nghệ của một ngành, một lĩnh vực và có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, được triển khai dưới hình thức đề tài KH&CN, dự án sản xuất thử nghiệm (sau

đây viết tắt là nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN) và dự án đầu tư KH&CN có mục tiêu, nội dung gắn kết hữu cơ, đồng bộ và được tiến hành trong một thời gian nhất định.

2. Dự án đầu tư KH&CN là dự án đầu tư tăng cường năng lực nghiên cứu, cơ sở vật chất cho các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp tham gia thực hiện Dự án KH&CN, bao gồm:

a) Dự án đầu tư tăng cường năng lực nghiên cứu cho các tổ chức KH&CN theo quy định tại khoản a điểm 1 Điều 4 và khoản a điểm 3 Điều 10 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học (sau đây viết tắt là Nghị định số 95/2014/NĐ-CP).

b) Dự án đầu tư trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động KH&CN của doanh nghiệp theo quy định tại khoản a điểm 3 Điều 10 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP.

3. Tổ chức chủ trì dự án đầu tư (sau đây gọi là chủ đầu tư) là tổ chức được giao trực tiếp quản lý, sử dụng vốn để thực hiện hoạt động đầu tư sản xuất một sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm trọng điểm, chủ lực cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương (sau đây viết tắt là sản phẩm trọng điểm, chủ lực).

4. Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN là tổ chức có chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động phù hợp với việc nghiên cứu sản xuất các sản phẩm trọng điểm, chủ lực.

5. Cơ quan đề xuất đặt hàng Dự án KH&CN (sau đây viết tắt là Cơ quan đề xuất đặt hàng) là Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cơ quan nhà nước khác ở trung ương.

6. Đề xuất Dự án KH&CN là những vấn đề KH&CN chủ yếu có mục tiêu, nội dung gắn kết, đồng bộ cần giải quyết trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan, tổ chức, cá nhân đề xuất với Cơ quan đề xuất đặt hàng để phục vụ việc sản xuất sản phẩm trọng điểm, chủ lực, có tác động nâng cao trình độ công nghệ của một ngành, một lĩnh vực và có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

7. Đề xuất đặt hàng Dự án KH&CN là đề xuất Dự án KH&CN của Cơ quan đề xuất đặt hàng với Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ động đề xuất đặt hàng.

8. Đơn vị quản lý chuyên môn Dự án KH&CN (sau đây gọi là đơn vị quản lý chuyên môn) là đơn vị được Bộ Khoa học và Công nghệ giao tổ chức triển khai các nội dung về chuyên môn để thực hiện Dự án KH&CN, các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN theo các mục tiêu, nội dung, sản phẩm, yêu cầu đối với sản phẩm KH&CN và các chỉ tiêu đánh giá đã được phê duyệt.

9. Đơn vị quản lý kinh phí Dự án KH&CN (sau đây gọi là đơn vị quản lý kinh phí) là đơn vị được Bộ Khoa học và Công nghệ giao quản lý việc sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước và thực hiện hoạt động phục vụ quản lý nhà nước để thực hiện Dự án KH&CN, nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN theo các mục tiêu, nội dung, sản phẩm, yêu cầu đối với sản phẩm KH&CN và các chỉ tiêu đánh giá đã được phê duyệt.

10. Tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia theo quy định tại Điều 29 Luật Khoa học và Công nghệ.

11. Giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia theo quy định tại Điều 30 Luật Khoa học và Công nghệ.

12. Hệ thống quản lý nhiệm vụ KH&CN quốc gia là Hệ thống thông tin do Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng, quản lý và vận hành để quản lý việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước. Văn bản, hồ sơ và tài liệu được trao đổi bằng phương thức trực tuyến thông qua Hệ thống quản lý nhiệm vụ KH&CN quốc gia. Trong trường hợp Hệ thống quản lý nhiệm vụ KH&CN quốc gia chưa sẵn sàng hoặc gặp sự cố chưa khắc phục kịp thời thì văn bản, hồ sơ và tài liệu được trao đổi trực tiếp.

13. Văn bản điện tử là văn bản dưới dạng thông điệp dữ liệu được tạo lập hoặc được số hóa từ văn bản giấy và trình bày đúng thể thức, kỹ thuật, định dạng theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

14. Phương thức họp hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ trực tuyến là phương thức họp thông qua giải pháp công nghệ hỗ trợ các thành viên hội đồng và các đại biểu tham dự ở những địa điểm, vị trí địa lý khác nhau có thể thực hiện các nhiệm vụ của hội đồng.

15. Tài khoản người dùng là tên truy cập và mật khẩu dùng để đăng nhập và sử dụng Hệ thống quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quốc gia.

Điều 3. Yêu cầu đối Dự án khoa học và công nghệ

Dự án KH&CN phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu như sau:

1. Giải quyết vấn đề KH&CN phục vụ trực tiếp dự án đầu tư sản xuất sản phẩm trọng điểm, chủ lực.

2. Cần phải huy động nguồn lực KH&CN (nhân lực KH&CN hoặc nguồn tài chính) của quốc gia hoặc góp phần giải quyết những nhiệm vụ mang tính liên vùng, liên ngành.

3. Kết quả tạo ra đảm bảo được áp dụng và nâng cao hiệu quả kinh tế của dự án đầu tư sản xuất sản phẩm trọng điểm, chủ lực; có khả năng lan tỏa hoặc có ý nghĩa tác động lâu dài tới sự phát triển KH&CN của ngành, lĩnh vực.

4. Các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN có mục tiêu, nội dung gắn kết, đồng bộ và được tiến hành trong một thời gian nhất định.

5. Có phương án huy động các nguồn tài chính ngoài ngân sách.

Điều 4. Yêu cầu đối với nhiệm vụ thuộc Dự án khoa học và công nghệ

1. Nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN cần đáp ứng yêu cầu nêu tại Điều 5 của Thông tư số 06/2023/TT-BKHHCN.

2. Kết quả tạo ra đảm bảo được áp dụng trực tiếp vào dự án đầu tư sản xuất sản phẩm trọng điểm, chủ lực.

Điều 5. Yêu cầu đối với Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm Dự án khoa học và công nghệ

1. Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Chủ trì thực hiện dự án đầu tư sản xuất sản phẩm trọng điểm, chủ lực;

b) Có năng lực về tài chính, khả năng triển khai, phối hợp nghiên cứu và ứng dụng kết quả của Dự án KH&CN vào sản xuất.

2. Chủ nhiệm Dự án KH&CN là lãnh đạo của Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN, có đủ thời gian và khả năng tổ chức thực hiện Dự án KH&CN. Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định.

Điều 6. Yêu cầu đối với Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ thuộc Dự án khoa học và công nghệ

1. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN là tổ chức đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Đáp ứng các điều kiện tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Thông tư số 20/2023/TT-BKHHCN ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là Thông tư số 20/2023/TT-BKHHCN);

b) Có đơn đăng ký thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN với Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN và được Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN chấp nhận;

c) Đối với các nhiệm vụ có yêu cầu về vốn đối ứng, tổ chức chủ trì nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN cần phải có phương án huy động vốn đối ứng theo quy định tại khoản 9 Điều 5 Thông tư số 20/2023/TT-BKHHCN.

2. Chủ nhiệm nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN phải đáp ứng các yêu cầu, điều kiện tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 20/2023/TT-BKHHCN).

Chương II

TỔ CHỨC XÁC ĐỊNH DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 7. Trình tự đề xuất Dự án khoa học và công nghệ, nhiệm vụ thuộc Dự án khoa học và công nghệ

1. Căn cứ vào quyết định của cấp có thẩm quyền về việc phê duyệt danh mục sản phẩm trọng điểm, chủ lực, cơ quan, tổ chức, cá nhân đề xuất Dự án KH&CN gửi Cơ quan đề xuất đặt hàng.

2. Hồ sơ đề xuất Dự án KH&CN, nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN bao gồm:

a) Phiếu đề xuất Dự án KH&CN theo Mẫu A1-ĐXDA tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Đề xuất nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN theo Mẫu A1-ĐXVN (đối với đề tài KH&CN) và Mẫu A2-ĐXNV (đối với dự án SXTN) ban hành kèm theo Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN);

c) Văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt sản phẩm trọng điểm, chủ lực;

d) Bản sao quyết định phê duyệt hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư dự án sản xuất sản phẩm trọng điểm, chủ lực và các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).

Điều 8. Trình tự xây dựng đề xuất đặt hàng Dự án khoa học và công nghệ, nhiệm vụ thuộc Dự án khoa học và công nghệ

1. Cơ quan đề xuất đặt hàng tổ chức lấy ý kiến tư vấn của hội đồng tư vấn hoặc chuyên gia (nếu cần thiết) để xây dựng các đề xuất đặt hàng Dự án KH&CN và gửi hồ sơ về Bộ Khoa học và Công nghệ (trực tiếp hoặc thông qua Hệ thống quản lý nhiệm vụ KH&CN quốc gia). Hồ sơ đề xuất đặt hàng bao gồm:

a) Công văn đề xuất đặt hàng;

b) Bảng tổng hợp danh mục đề xuất đặt hàng theo Mẫu B1-THĐXDA tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Hồ sơ đề xuất Dự án KH&CN, nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN theo quy định tại khoản 2 Điều 7 (được hoàn thiện theo ý kiến của hội đồng tư vấn hoặc chuyên gia nếu có).

2. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ động hoặc theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đề xuất đặt hàng Dự án KH&CN cấp bách, mới phát sinh có tác động lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh quốc gia; tổ chức lấy ý kiến tư vấn về Dự án KH&CN này và xin ý kiến các bộ, cơ quan trung ương và địa phương phù hợp với ngành, lĩnh

vực, địa bàn quản lý để hoàn thiện. Hồ sơ gửi xin ý kiến các bộ, cơ quan trung ương và địa phương bao gồm:

a) Công văn xin ý kiến các bộ, cơ quan trung ương và địa phương theo Mẫu B2-ĐXĐHDA tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bảng tổng hợp danh mục đề xuất đặt hàng Dự án KH&CN theo Mẫu B3-THĐXĐHDA tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Hồ sơ đề xuất Dự án KH&CN theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này.

Điều 9. Tổng hợp và xử lý đề xuất đặt hàng

1. Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp các đề xuất đặt hàng tại Điều 8 Thông tư này để đưa ra Hội đồng tư vấn xác định Dự án KH&CN, nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ tiến hành tra cứu thông tin Dự án KH&CN và các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN cấp quốc gia đã và đang thực hiện có liên quan đến đề xuất đặt hàng tại cơ sở dữ liệu quốc gia về KH&CN để phục vụ họp Hội đồng tư vấn xác định Dự án KH&CN, nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN. Kết quả tra cứu thông tin theo Mẫu C0-KQDATrC tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 10. Tổ chức Hội đồng tư vấn xác định Dự án khoa học và công nghệ

1. Hội đồng do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập. Hội đồng có trách nhiệm tư vấn cho Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xác định Dự án KH&CN, danh mục các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN.

2. Hội đồng tư vấn có từ 09 đến 11 thành viên là các ủy viên, trong đó có Chủ tịch, Phó chủ tịch, ủy viên thư ký khoa học. Trong đó, đề xuất đặt hàng Dự án KH&CN và mỗi đề xuất đặt hàng nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN, phân công 02 thành viên làm ủy viên phản biện.

3. Thành viên của Hội đồng tư vấn là các nhà khoa học thuộc cơ sở dữ liệu chuyên gia khoa học và công nghệ do Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt, đại diện cơ quan đề xuất đặt hàng, nhà quản lý thuộc ngành, lĩnh vực của đề xuất đặt hàng, nhà kinh doanh có năng lực và chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ tư vấn.

4. Trong trường hợp cần thiết, trên cơ sở ý kiến của đơn vị quản lý chuyên môn, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ có thể quyết định số lượng thành viên và thành phần của Hội đồng tư vấn khác với quy định tại điểm b và điểm c của khoản này.

5. Đơn vị quản lý chuyên môn có trách nhiệm tổ chức các phiên họp Hội đồng. Kinh phí tổ chức các phiên họp Hội đồng lấy từ nguồn kinh phí quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia.

6. Đại diện Cơ quan đề xuất đặt hàng, đại diện bộ quản lý ngành, lĩnh vực, đại diện các tổ chức, cá nhân đề xuất Dự án KH&CN và các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN và đại diện các đơn vị liên quan của Bộ Khoa học và Công nghệ được mời tham dự các phiên họp của Hội đồng.

Điều 11. Phương thức làm việc của Hội đồng tư vấn

1. Hội đồng tư vấn họp theo một trong các phương thức sau:

- a) Phương thức họp trực tiếp;
- b) Phương thức họp trực tuyến;
- c) Phương thức họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

2. Phiên họp Hội đồng tư vấn phải có sự tham gia của ít nhất 2/3 số ủy viên, trong đó bắt buộc có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch được Chủ tịch ủy quyền (trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt), các ủy viên phản biện và ủy viên thư ký khoa học.

Trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt, Phó Chủ tịch được Chủ tịch ủy quyền theo Mẫu GUQ1 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Thành viên của Hội đồng tư vấn có trách nhiệm:

a) Nghiên cứu tài liệu do Bộ Khoa học và Công nghệ cung cấp, chuẩn bị ý kiến nhận xét đánh giá đề xuất đặt hàng Dự án KH&CN theo Mẫu C1-TVHDDA tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này và ý kiến nhận xét đánh giá nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN theo Mẫu C1-TVHĐ tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 06/2023/TT-BKH&CN;

b) Thực hiện việc cho ý kiến nhận xét trên Hệ thống quản lý nhiệm vụ KH&CN quốc gia trước khi họp.

c) Thực hiện việc đánh giá đề xuất đặt hàng tại phiên họp của Hội đồng tư vấn thông qua Hệ thống quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia của Bộ Khoa học và Công nghệ theo các mẫu: Phiếu đánh giá Dự án KH&CN theo Mẫu C2-PĐGDA tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, Phiếu đánh giá nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN theo Mẫu C1-PĐG tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 06/2023/TT-BKH&CN. Đề xuất đặt hàng được đề nghị “Thực hiện” khi tất cả các nội dung trong Phiếu đánh giá được đánh giá “Đạt yêu cầu” và đề nghị “Không thực hiện” khi một trong các nội dung trên được đánh giá “Không đạt yêu cầu”.

4. Tài khoản người dùng và tài liệu phục vụ phiên họp được gửi cho thành viên Hội đồng tư vấn thông qua Hệ thống quản lý nhiệm vụ KH&CN quốc gia tối thiểu 05 ngày làm việc trước khi họp gồm:

- a) Quyết định thành lập Hội đồng;
- b) Hồ sơ đề xuất đặt hàng Dự án KH&CN;
- c) Các biểu, mẫu, phụ lục phục vụ nhận xét, đánh giá phù hợp với đề xuất đặt hàng;

d) Kết quả tra cứu thông tin của các nhiệm vụ KH&CN có liên quan đã và đang thực hiện;

đ) Tài liệu hoặc văn bản điện tử khác (nếu có).

5. Hội đồng tư vấn làm việc theo nguyên tắc dân chủ, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, độc lập, trung thực, khách quan, khoa học và bảo đảm liêm chính khoa học. Hội đồng tư vấn thảo luận, thống nhất kết luận đối với các ý kiến khác nhau của thành viên (nếu có). Ý kiến kết luận của Hội đồng tư vấn được thông qua khi trên 3/4 số thành viên tham gia nhất trí.

6. Thành viên của Hội đồng tư vấn có thể yêu cầu bảo lưu ý kiến trong trường hợp ý kiến đó khác với kết luận của Hội đồng tư vấn, chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến tư vấn của mình và chịu trách nhiệm tập thể về ý kiến kết luận của Hội đồng tư vấn, giữ bí mật các thông tin nhận được, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

7. Bộ Khoa học và Công nghệ cử 02 thư ký hành chính giúp việc chuẩn bị tài liệu và tổ chức các phiên họp của Hội đồng tư vấn.

Điều 12. Trình tự, thủ tục làm việc của Hội đồng tư vấn

1. Thư ký hành chính công bố quyết định thành lập Hội đồng tư vấn.

2. Đại diện Bộ Khoa học và Công nghệ tóm tắt các yêu cầu đối với Hội đồng tư vấn.

3. Chủ tịch Hội đồng chủ trì các phiên họp của Hội đồng tư vấn. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt, Phó Chủ tịch được Chủ tịch ủy quyền sẽ chủ trì phiên họp.

4. Hội đồng tư vấn cử 01 thành viên làm ủy viên thư ký khoa học để ghi chép các ý kiến thảo luận và lập biên bản phiên họp theo Mẫu D1-BBXDDA tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Hội đồng tư vấn thảo luận về các nội dung của đề xuất đặt hàng Dự án KH&CN theo quy định tại Điều 13 và thực hiện việc đánh giá đề xuất đặt hàng Dự án KH&CN theo Mẫu C2-PĐGDA tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Thư ký khoa học tổng hợp kết quả đánh giá Dự án KH&CN của các thành viên Hội đồng tư vấn theo Mẫu C3-BBKPDA tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Đề xuất đặt hàng Dự án KH&CN được đề nghị “Thực hiện” khi có trên 3/4 tổng số phiếu đánh giá “Đạt yêu cầu”. Kết quả họp Hội đồng tư vấn được cập nhật trên Hệ thống quản lý nhiệm vụ KH&CN quốc gia của Bộ Khoa học và Công nghệ ngay sau khi kết thúc phiên họp.

7. Đối với đề xuất đặt hàng Dự án KH&CN được đề nghị “Thực hiện”, 02 ủy viên phản biện và Thư ký khoa học tổng hợp kiến nghị của Hội đồng tư vấn về: Tên; định hướng mục tiêu; các kết quả chính cần đạt; phương án tổ chức thực hiện.

8. Đối với đề xuất đặt hàng Dự án KH&CN được đề nghị “Thực hiện”, Hội đồng tư vấn thảo luận về các đề xuất đặt hàng nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN

theo quy định tại Điều 14 và thực hiện việc đánh giá đề xuất đặt hàng nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN theo Mẫu C1-PĐG tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 06/2023/TT-BKHHCN.

9. Thư ký khoa học tổng hợp kết quả đánh giá nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN của các thành viên Hội đồng tư vấn theo Mẫu C3-BBKP tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 06/2023/TT-BKHHCN và công bố công khai kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp của Hội đồng tư vấn. Đề xuất đặt hàng được đề nghị “Thực hiện” khi có trên 3/4 tổng số phiếu đánh giá “Đạt yêu cầu”. Kết quả họp Hội đồng tư vấn được cập nhật trên Hệ thống quản lý nhiệm vụ KH&CN quốc gia của Bộ Khoa học và Công nghệ ngay sau khi kết thúc phiên họp.

10. Đối với đề xuất đặt hàng nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN được đề nghị “Thực hiện”, 02 ủy viên phản biện và Thư ký khoa học tổng hợp kiến nghị của Hội đồng tư vấn về các nội dung của nhiệm vụ đặt hàng quy định tại Điều 6 Thông tư 06/2023/TT-BKHHCN; nguồn đề xuất nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư 06/2023/TT-BKHHCN.

11. Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi có kết quả họp, Hội đồng tư vấn chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện tổng hợp kiến nghị (gồm cả kiến nghị phương thức thực hiện: tuyển chọn hoặc giao trực tiếp). Ý kiến kết luận của Hội đồng tư vấn về các nội dung của Dự án KH&CN, nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN đặt hàng được thông qua khi trên 3/4 số thành viên tham gia nhất trí. Tổng hợp kiến nghị của Hội đồng tư vấn xác định Dự án KH&CN, các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN theo Mẫu D2-KNXDDA tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

12. Đối với đề xuất đặt hàng Dự án KH&CN, nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN được đề nghị “Không thực hiện”, Hội đồng tư vấn thống nhất ý kiến đánh giá về lý do không đề nghị thực hiện.

Điều 13. Nội dung thảo luận của Hội đồng tư vấn xác định Dự án KH&CN

1. Tính cấp thiết và mục tiêu của đề xuất đặt hàng trong việc sản xuất sản phẩm trọng điểm, chủ lực.

2. Tính liên ngành, liên vùng, quy mô và tầm quan trọng của vấn đề khoa học đặt ra.

3. Tính khả thi của Dự án KH&CN thể hiện qua các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN đặt ra trong đề xuất đặt hàng.

4. Tính liên kết, đồng bộ về mục tiêu, nội dung giữa các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN.

5. Nhu cầu cần thiết phải huy động nguồn lực quốc gia cho việc thực hiện đề xuất đặt hàng.

6. Tên; định hướng mục tiêu; yêu cầu đối với kết quả; phương án tổ chức thực hiện (tuyển chọn hoặc giao trực tiếp).

7. Nguồn đề xuất Dự án KH&CN theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Luật Khoa học và Công nghệ, khoản 5 Điều 29 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ trong quá trình tuyển chọn hoặc giao trực tiếp.

Điều 14. Nội dung thảo luận của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN

Các ủy viên của Hội đồng tư vấn phân tích, thảo luận và đánh giá về các nội dung sau:

1. Tính cấp thiết, tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trong phạm vi cả nước, có vai trò quan trọng nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia. Sự phù hợp của các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN với Dự án KH&CN;

2. Tính liên ngành, liên vùng, quy mô và tầm quan trọng của vấn đề khoa học đặt ra;

3. Khả năng không trùng lặp với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đã và đang thực hiện;

4. Khả năng ứng dụng hoặc sử dụng kết quả tạo ra vào sản xuất và đời sống;

5. Xuất xứ công nghệ và khả năng huy động được nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện (đối với dự án);

6. Tên; định hướng mục tiêu; yêu cầu đối với kết quả; phương án tổ chức thực hiện (tuyển chọn hoặc giao trực tiếp);

7. Nguồn đề xuất nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 06/2023/TT-BKH&CN.

Điều 15. Dự án đầu tư khoa học và công nghệ

1. Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN đề xuất dự án đầu tư KH&CN có mục tiêu, nội dung, kết quả, tiến độ phù hợp, đáp ứng yêu cầu thực hiện Dự án KH&CN.

2. Việc đề xuất, xét duyệt và phê duyệt dự án đầu tư khoa học và công nghệ phục vụ Dự án KH&CN được thực hiện theo Nghị định 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ; quy định pháp luật về đầu tư; pháp luật về xây dựng; pháp luật về quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật khác có liên quan.

Điều 16. Phê duyệt đặt hàng Dự án khoa học và công nghệ, nhiệm vụ thuộc Dự án khoa học và công nghệ

1. Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ khi có kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được Bộ trưởng Bộ Khoa học và

Công nghệ giao quản lý rà soát trình tự, thủ tục làm việc và xem xét các ý kiến của Hội đồng tư vấn đối với Dự án KH&CN, các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN đặt hàng theo quy định tại Thông tư này. Trường hợp cần thiết, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị nói trên đề xuất Bộ trưởng lấy ý kiến tư vấn của chuyên gia tư vấn độc lập trong nước, nước ngoài hoặc thành lập Hội đồng tư vấn khác để xác định lại Dự án KH&CN, các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN.

2. Trên cơ sở kết quả của việc rà soát và ý kiến tư vấn quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt đặt hàng Dự án KH&CN, các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN theo Mẫu D3-PDDA tại Thông tư này. Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày phê duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố công khai đặt hàng Dự án KH&CN, các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN trên Hệ thống quản lý nhiệm vụ KH&CN quốc gia và Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ để tuyển chọn hoặc giao trực tổ chức chủ trì và chủ nhiệm Dự án KH&CN, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN có đủ năng lực triển khai thực hiện.

Chương III

TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, NHIỆM VỤ THUỘC DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Mục 1

TUYỂN CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 17. Nguyên tắc tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện Dự án khoa học và công nghệ và thông báo tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện Dự án khoa học và công nghệ

1. Nguyên tắc chung:

a) Việc tuyển chọn phải bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch, dân chủ, khách quan; kết quả tuyển chọn phải được công bố công khai trên Hệ thống quản lý nhiệm vụ KH&CN quốc gia và Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc các phương tiện thông tin đại chúng khác;

b) Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn được đánh giá thông qua Hội đồng tư vấn tuyển chọn do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập;

c) Trên cơ sở ý kiến tư vấn của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, ý kiến tham mưu của đơn vị quản lý chuyên môn, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định lựa chọn tổ chức và cá nhân thực hiện Dự án KH&CN;

d) Trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ lấy ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập trước khi quyết định.

Yêu cầu, trách nhiệm đối với chuyên gia tư vấn độc lập, thủ tục lấy ý kiến chuyên gia tư vấn độc lập được áp dụng theo quy định tại Chương III Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN.

2. Thông báo tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện Dự án KH&CN:

Danh mục các Dự án KH&CN, điều kiện, thủ tục tham gia tuyển chọn được thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng khác trong thời gian 30 ngày đề tổ chức và cá nhân chuẩn bị hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ thông báo tuyển chọn lần 2 trong khoảng thời gian không quá 06 tháng tính từ ngày bắt đầu thông báo tuyển chọn lần 1 trong các trường hợp sau:

a) Khi hết thời gian thông báo tuyển chọn mà không có hồ sơ đăng ký tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện Dự án KH&CN hoặc không đầy đủ hồ sơ đăng ký tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN;

b) Các hồ sơ đăng ký tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện Dự án KH&CN, tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN không hợp lệ khi tiến hành mở, kiểm tra hồ sơ;

c) Các hồ sơ đăng ký tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện Dự án KH&CN, nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN bị hủy kết quả tuyển chọn theo quy định tại điểm a, b, d và đ khoản 1 và điểm a, b và d khoản 2 Điều 17 Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN;

d) Trường hợp khác do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định.

Điều 18. Điều kiện tham gia tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện Dự án khoa học và công nghệ

1. Tổ chức tham gia tuyển chọn thực hiện Dự án KH&CN phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Đáp ứng yêu cầu tại khoản 1 Điều 3 của Thông tư này;

b) Đáp ứng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN.

2. Cá nhân tham gia tuyển chọn làm chủ nhiệm Dự án KH&CN đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Có trình độ đại học trở lên;

b) Đáp ứng yêu cầu tại khoản 2 Điều 3 của Thông tư này;

c) Không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN;

d) Trường hợp đặc biệt khác với các yêu cầu tại các điểm a, b và c khoản này do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định.

Điều 19. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện Dự án KH&CN

Căn cứ vào Quyết định của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt Dự án KH&CN, tổ chức và cá nhân chuẩn bị hồ sơ đăng ký tham gia chủ trì thực hiện Dự án KH&CN, bao gồm:

1. Hồ sơ pháp lý của tổ chức chủ trì:
 - a) Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức chủ trì;
 - b) Điều lệ hoạt động của tổ chức chủ trì (nếu có).
2. Đơn đăng ký chủ trì thực hiện Dự án KH&CN (Mẫu Đ1-ĐKDA).
3. Tóm tắt năng lực của tổ chức đăng ký chủ trì Dự án KH&CN (Mẫu Đ2-TTNL).
4. Sơ yếu lý lịch của cá nhân đăng ký chủ nhiệm Dự án KH&CN có xác nhận của Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN (Mẫu Đ3-LLCN).
5. Bảng tổng hợp thông tin Dự án khoa học và công nghệ (Mẫu Đ4-THTTDA).
6. Văn bản xác nhận (nếu có) về sự đồng ý của các tổ chức tham gia thực hiện thực hiện nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN, các tổ chức tham gia phối hợp (nếu có) (Mẫu Đ5-VBPH).
7. Hồ sơ pháp lý thực hiện dự án đầu tư sản xuất sản phẩm trọng điểm, chủ lực và các văn bản khác có liên quan:
 - a) Văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt sản phẩm trọng điểm, chủ lực;
 - b) Bản sao quyết định phê duyệt hoặc văn bản chấp nhận chủ trương đầu tư dự án sản xuất sản phẩm trọng điểm, chủ lực và các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có);
 - c) Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư sản xuất sản phẩm trọng điểm, chủ lực theo Mẫu Đ6-BCDAĐT tại Thông tư này;
 - d) Hồ sơ chứng minh năng lực tài chính thực hiện dự án đầu tư sản xuất sản phẩm trọng điểm, chủ lực.

Điều 20. Nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện Dự án KH&CN

1. Nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn
 - a) Đối với hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính: hồ sơ gồm 01 bộ, sử dụng phông chữ tiếng Việt Times New Roman, bộ mã ký tự Unicode theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6909:2001, màu đen và 01 bản điện tử của hồ sơ (dạng PDF, không đặt mật khẩu) ghi trên USB. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn Dự án KH&CN được đóng gói, có niêm phong và bên ngoài ghi rõ:

- Tên Dự án KH&CN;
- Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký chủ trì Dự án KH&CN;
- Tên, địa chỉ, số điện thoại của chủ nhiệm Dự án KH&CN;
- Danh sách tên các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN;
- Danh mục tài liệu có trong hồ sơ.

b) Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: 01 bộ hồ sơ điện tử gồm các văn bản điện tử các tài liệu quy định tại Điều 19 Thông tư này và được chứng thực điện tử theo quy định hiện hành.

Thời hạn và địa chỉ nộp hồ sơ theo thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng khác và bằng văn bản (trường hợp nhiệm vụ có chứa bí mật nhà nước).

2. Ngày nhận hồ sơ:

a) Đối với trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính: ngày ghi tại dấu bưu chính nơi gửi (trường hợp gửi qua bưu chính) hoặc dấu đến của bộ, ngành, địa phương (trường hợp nộp trực tiếp);

b) Đối với trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến: ngày nộp hồ sơ được xác định căn cứ theo thời gian thực ghi lại trên Hệ thống quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quốc gia.

3. Trong thời hạn quy định nộp hồ sơ, tổ chức và cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn có quyền rút hồ sơ đã nộp để thay bằng hồ sơ mới hoặc bổ sung hồ sơ đã nộp. Việc thay hồ sơ mới hoặc bổ sung hồ sơ phải hoàn tất trước thời hạn nộp hồ sơ theo quy định.

Điều 21. Mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện Dự án KH&CN

1. Kết thúc thời hạn nhận hồ sơ đăng ký tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện Dự án KH&CN và thời hạn nhận hồ sơ đăng ký tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN, trường hợp nhận được hồ sơ đăng ký tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện Dự án KH&CN kèm theo đầy đủ hồ sơ đăng ký tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN, trong thời hạn 07 ngày làm việc, đơn vị quản lý chuyên môn có trách nhiệm phối hợp với đơn vị quản lý kinh phí mở, kiểm tra hiện trạng của hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện Dự án KH&CN; rà soát, kiểm tra các thông tin liên quan đến quy định tại Điều 19 Thông tư này.

2. Kết quả mở hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện Dự án KH&CN được ghi thành biên bản theo Mẫu Đ7-BBHSĐA tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Trên cơ sở rà soát hồ sơ đăng ký, đơn vị quản lý chuyên môn hoàn thiện biên bản mở hồ sơ.

4. Trường hợp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn được nộp trực tuyến, khi kết thúc thời hạn nhận hồ sơ, Biên bản mở hồ sơ Dự án KH&CN sẽ được trích xuất theo Mẫu Đ7-BBHSDA tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Hồ sơ hợp lệ được đưa vào xem xét, đánh giá là hồ sơ được chuẩn bị theo quy định tại Điều 19 Thông tư này và các quy định có liên quan khác. Đối với các hồ sơ không hợp lệ, Bộ Khoa học và Công nghệ giao đơn vị quản lý chuyên môn thông báo bằng văn bản cho các tổ chức đăng ký chủ trì Dự án KH&CN.

Điều 22. Hội đồng tư vấn tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện Dự án KH&CN

1. Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn thực hiện Dự án KH&CN:

a) Số lượng, thành phần, yêu cầu đối với Hội đồng tư vấn áp dụng theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 8 Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN.

Trong trường hợp cần thiết, trên cơ sở ý kiến của đơn vị quản lý chuyên môn, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định số lượng thành viên và thành phần của Hội đồng tư vấn khác với quy định tại khoản này.

b) Đại diện đơn vị quản lý chuyên môn và đại diện đơn vị quản lý kinh phí làm thư ký hành chính giúp việc cho Hội đồng tư vấn.

2. Tài liệu phục vụ phiên họp đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn bao gồm:

a) Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn;

b) Biên bản mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ tham gia tuyển chọn thực hiện Dự án KH&CN;

c) Hồ sơ đăng ký tham gia chủ trì thực hiện Dự án KH&CN nêu tại Điều 19 Thông tư này;

d) Tài liệu phục vụ phiên họp được gửi đến tất cả thành viên Hội đồng tư vấn ít nhất 07 ngày làm việc trước phiên họp.

3. Hội đồng tư vấn họp theo một trong các phương thức sau:

a) Phương thức họp trực tiếp;

b) Phương thức họp trực tuyến;

c) Phương thức họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

3. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng tư vấn

a) Phải có sự tham gia ít nhất 2/3 số ủy viên Hội đồng tư vấn, trong đó có Chủ tịch và Phó Chủ tịch;

b) Chủ tịch Hội đồng tư vấn chủ trì các phiên họp Hội đồng tư vấn. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng tư vấn vắng mặt, Phó Chủ tịch Hội đồng tư vấn được ủy quyền bằng văn bản chủ trì phiên họp (Giấy ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng tư vấn theo Mẫu GUQ2 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Nhiệm vụ của Hội đồng tư vấn

Đánh giá sự phù hợp của hồ sơ đăng ký thực hiện Dự án khoa học và công nghệ với các yêu cầu nêu tại Điều 18 và Điều 3 của Thông tư này.

5. Trách nhiệm của các thành viên Hội đồng tư vấn

a) Đánh giá trung thực, khách quan và công bằng; chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Hội đồng tư vấn. Các thành viên Hội đồng tư vấn, đại biểu tham gia và thư ký hành chính có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan trong quá trình đánh giá hồ sơ tuyển chọn;

b) Nghiên cứu, phân tích từng nội dung và thông tin đã kê khai trong hồ sơ; nhận xét, đánh giá hồ sơ theo các yêu cầu đã quy định và luận giải cho việc nhận xét, đánh giá.

6. Kinh phí chi Hội đồng tư vấn tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện Dự án KH&CN được áp dụng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 23. Trình tự, nội dung làm việc của Hội đồng tư vấn

1. Thư ký hành chính công bố quyết định thành lập Hội đồng tư vấn, giới thiệu thành phần Hội đồng tư vấn và các đại biểu tham dự, biên bản mở hồ sơ.

2. Đại diện đơn vị quản lý chuyên môn nêu những yêu cầu và nội dung chủ yếu về việc tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện Dự án KH&CN.

3. Hội đồng tư vấn trao đổi thống nhất nguyên tắc làm việc và bầu thư ký khoa học của Hội đồng tư vấn.

4. Hội đồng tư vấn tiến hành đánh giá các hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện Dự án KH&CN:

a) Hội đồng tư vấn thảo luận, đánh giá từng hồ sơ theo biểu mẫu Đ8-DGHSDA tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Các ủy viên Hội đồng tư vấn bỏ phiếu đánh giá cho từng hồ sơ theo hình thức bỏ phiếu;

c) Hội đồng tư vấn bầu ban kiểm phiếu gồm 03 ủy viên của Hội đồng tư vấn, trong đó có Trưởng ban kiểm phiếu và 02 ủy viên.

5. Thư ký hành chính của Hội đồng tư vấn giúp ban kiểm phiếu tổng hợp kết quả bỏ phiếu đánh giá của các thành viên Hội đồng tư vấn theo Mẫu Đ9-KPHSDA tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này và xếp hạng các hồ sơ được đánh giá có tổng số phiếu hợp lệ được đánh giá “Đạt yêu cầu” từ cao xuống thấp theo Đ10-THKPHSDA tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Ban kiểm phiếu công bố kết quả đánh giá.

7. Hội đồng tư vấn kiến nghị tổ chức và cá nhân trúng tuyển thực hiện Dự án KH&CN khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Hồ sơ được đánh giá số tổng số phiếu đánh giá “Đạt yêu cầu” cao nhất và phải đạt tỉ lệ số phiếu đánh giá “Đạt yêu cầu”/ tổng số phiếu đánh giá từ 70% trở lên;

b) Đối với các hồ sơ có tổng số phiếu đánh giá “Đạt yêu cầu” bằng nhau thì ưu tiên theo thứ tự như sau:

- Ưu tiên hồ sơ của đơn vị đề xuất Dự án KH&CN;

- Ưu tiên hồ sơ có nhu cầu kinh phí đề xuất từ ngân sách nhà nước ít hơn.

8. Hội đồng tư vấn nêu một số kiến nghị với tổ chức được kiến nghị trúng tuyển về những nội dung cần điều chỉnh, sửa đổi.

9. Thư ký khoa học lập và hoàn thiện Biên bản họp Hội đồng tư vấn theo Mẫu Đ11-BBHĐDA tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

10. Hội đồng tư vấn thông qua Biên bản họp.

11. Biên bản họp của Hội đồng tư vấn và Báo cáo giải trình ý kiến Hội đồng tư vấn của Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN được cung cấp cho Hội đồng tư vấn tuyển chọn tổ chức chủ trì, các nhân chủ nhiệm các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN.

12. Trường hợp hồ sơ được đánh giá “Không đạt yêu cầu”, Hội đồng kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ dừng hoặc thông báo tuyển chọn lại tổ chức, cá nhân thực hiện Dự án KH&CN và các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN.

Mục 2

QUY ĐỊNH GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN THỰC HIỆN DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 24. Giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện Dự án khoa học và công nghệ

1. Nguyên tắc, điều kiện tham gia xét giao trực tiếp thực hiện Dự án KH&CN

a) Nguyên tắc giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện Dự án KH&CN thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Thông tư này;

b) Thông báo giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện Dự án KH&CN thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Thông tư này;

c) Tổ chức, cá nhân tham gia đăng ký giao trực tiếp Dự án KH&CN phải đáp ứng các điều kiện được quy định tại Điều 18 Thông tư này.

2. Hồ sơ đăng ký tham gia giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ

a) Hồ sơ đăng ký tham gia giao trực tiếp thực hiện Dự án KH&CN thực hiện quy định tại Điều 19 Thông tư này;

- b) Việc nộp hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 20 Thông tư này;
- c) Mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ thực hiện theo quy định Điều 21 Thông tư này.

3. Hội đồng tư vấn giao trực tiếp Dự án KH&CN

a) Việc thành lập Hội đồng tư vấn giao trực tiếp thực hiện Dự án KH&CN thực hiện theo quy định tại Điều 22 Thông tư này;

b) Trình tự, nội dung làm việc của Hội đồng tư vấn giao trực tiếp thực hiện theo quy định tại Điều 23 Thông tư này.

4. Việc phê duyệt kết quả giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện Dự án KH&CN được thực hiện theo quy định tại Điều 27 Thông tư này.

5. Việc lưu giữ, quản lý hồ sơ gốc, công khai thông tin, hủy kết quả giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện Dự án KH&CN được áp dụng theo quy định tại Điều 16 và Điều 17 Thông tư số 20/2023/TT-BKHHCN.

Điều 25. Giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện Dự án khoa học và công nghệ chứa bí mật nhà nước

1. Điều kiện, hồ sơ tham gia xét giao trực tiếp thực hiện Dự án KH&CN

a) Tổ chức tham gia xét giao trực tiếp phải đáp ứng các điều kiện được quy định tại khoản 1 Điều 18 Thông tư này và các yêu cầu sau:

- Cam kết bảo vệ bí mật nhà nước theo Biểu B1-9-CKTCCT tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 20/2023/TT-BKHHCN;

- Chuẩn bị hồ sơ theo quy định tại Điều 19 Thông tư này và các bản sao phục vụ các phiên họp Hội đồng tư vấn theo yêu cầu của cơ quan quản lý.

b) Cá nhân được giao chủ nhiệm Dự án KH&CN chứa bí mật nhà nước phải đáp ứng các điều kiện được quy định tại khoản 2 Điều 18 Thông tư này và các yêu cầu sau:

- Là người chỉ có một quốc tịch Việt Nam;

- Cam kết bảo vệ bí mật nhà nước theo Biểu B1-7-CKCN tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 20/2023/TT-BKHHCN.

c) Cá nhân tham gia thực hiện Dự án KH&CN chứa bí mật nhà nước phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- Đối với cá nhân là người Việt Nam phải cam kết bảo vệ bí mật nhà nước theo Biểu B1-8-CKTVNV tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 20/2023/TT-BKHHCN;

- Đối với cá nhân là người nước ngoài, ngoài việc cam kết bảo vệ bí mật nhà nước theo Biểu B1-7-CKCN tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 20/2023/TT-BKHHCN, tổ chức chủ trì phải báo cáo và có sự chấp thuận của cơ

quan chủ quản của tổ chức chủ trì. Trong báo cáo phải thể hiện rõ nội dung chuyên môn và thời gian cá nhân đó tham gia;

d) Bộ Khoa học và Công nghệ thông báo bằng văn bản đến tổ chức được giao thực hiện Dự án KH&CN trong 30 ngày để chuẩn bị hồ sơ đăng ký;

đ) Hồ sơ xét giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện Dự án KH&CN chứa bí mật nhà nước phải được chuẩn bị theo quy định tại Điều 19 Thông tư này và có đầy đủ cam kết bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này.

2. Nộp hồ sơ và mở hồ sơ Dự án KH&CN

a) Hồ sơ được nộp trực tiếp theo quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 20 Thông tư này;

b) Mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và khoản 5 Điều 21 Thông tư này.

3. Quy định bảo vệ bí mật nhà nước đối với hoạt động của Hội đồng tư vấn, chuyên gia tư vấn độc lập do Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý

Chuyên gia tham gia các loại hình Hội đồng tư vấn và chuyên gia tư vấn độc lập phải đáp ứng đầy đủ tiêu chí theo các quy định hiện hành và thực hiện yêu cầu sau:

- Cam kết bảo vệ bí mật nhà nước theo Biểu B1-7-CKCN tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 20/2023/TT-BKH&CN;

- Ký nhận tài liệu phục vụ các phiên họp liên quan và tự bảo quản tài liệu theo quy định của pháp luật bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định tại Thông tư này. Khi kết thúc nhiệm vụ tư vấn, có trách nhiệm bàn giao lại tài liệu theo quy định hiện hành.

4. Hội đồng tư vấn Dự án KH&CN

a) Hội đồng tư vấn Dự án KH&CN thực hiện theo quy định tại Điều 21 Thông tư này;

b) Trình tự, nội dung làm việc của Hội đồng tư vấn thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 23 Thông tư này;

c) Hội đồng tư vấn làm việc theo phương thức họp trực tiếp và theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước. Việc gửi, lưu giữ các phiếu nhận xét, phiếu đánh giá và các tài liệu phục vụ phiên họp Hội đồng tư vấn được thực hiện theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

5. Phê duyệt kết quả giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ

Trình tự phê duyệt kết quả giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện Dự án KH&CN chứa bí mật nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 27 Thông tư này.

6. Lưu giữ, quản lý hồ sơ gốc và hủy kết quả giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện Dự án KH&CN

a) Lưu giữ, quản lý hồ sơ gốc thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước;

b) Việc hủy kết quả giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện Dự án KH&CN được áp dụng theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN.

Mục 3

TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THUỘC DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 26. Tuyển chọn, giao trực tiếp Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ thuộc Dự án khoa học và công nghệ

1. Việc chuẩn bị hồ sơ, quy trình thủ tục tuyển chọn, giao trực tiếp Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm mỗi nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Hồ sơ thông qua Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN, được gửi cho Bộ Khoa học và Công nghệ để đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp theo quy định.

3. Trường hợp tổ chức chủ trì nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN không là Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN, hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức cần bổ sung đơn đăng ký thực hiện nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN được Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN chấp nhận theo Mẫu E-ĐKNVDA tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Đối với nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN có hồ sơ được đánh giá đạt tổng số điểm trung bình dưới 70/100 điểm, Hội đồng tư vấn kiến nghị dừng thực hiện Dự án KH&CN hoặc thực hiện lại việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN.

Đơn vị quản lý chuyên môn trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định việc dừng thực hiện Dự án KH&CN hoặc cho phép thực hiện lại việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN.

Điều 27. Phê duyệt tổ chức và cá nhân thực hiện Dự án khoa học và công nghệ, tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ thuộc Dự án khoa học và công nghệ

1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định kinh phí hoặc nhận được ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có), tổ chức chủ trì và

chủ nhiệm Dự án KH&CN, tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo kết luận của các Hội đồng tư vấn tuyển chọn/giao trực tiếp, Tổ thẩm định và nộp lại cho đơn vị quản lý chuyên môn.

2. Hồ sơ trình phê duyệt gồm:

a) Hồ sơ Dự án KH&CN, hồ sơ nhiệm vụ KH&CN đã được chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, Tổ thẩm định; Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn, Tổ thẩm định, Tổ chuyên gia (nếu có);

c) Biên bản mở hồ sơ đăng ký chủ trì Dự án KH&CN; biên bản mở hồ sơ đăng ký tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN; phiếu nhận xét, đánh giá của các thành viên Hội đồng tư vấn;

d) Biên bản họp Hội đồng tư vấn đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức chủ trì và chủ nhiệm Dự án KH&CN quốc gia;

đ) Biên bản họp Tổ thẩm định, Biên bản họp Hội đồng tư vấn nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN, ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có);

e) Báo cáo giải trình của tổ chức chủ trì Dự án KH&CN đối với các ý kiến của Hội đồng tư vấn đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức chủ trì và chủ nhiệm Dự án KH&CN quốc gia theo Mẫu Đ12-GTHĐDA tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

f) Báo cáo giải trình của tổ chức chủ trì nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN đối với các ý kiến của Hội đồng tư vấn và Tổ thẩm định;

g) Dự thảo Quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì, chủ nhiệm và thời gian thực hiện Dự án KH&CN theo Mẫu Đ13-QĐPDDA tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

h) Dự thảo Quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư số 20/2023/TT-BKH&CN.

3. Phê duyệt kết quả

a) Đơn vị quản lý chuyên môn có trách nhiệm trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, ký Quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì, chủ nhiệm và thời gian thực hiện Dự án KH&CN; tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN. Thời gian thực hiện nhiệm vụ bao gồm thời gian triển khai nghiên cứu và thời gian hoàn thiện hồ sơ phục vụ đánh giá nghiệm thu, tổng kết (không quá 3 tháng);

b) Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phân cấp cho thủ trưởng đơn vị quản lý kinh phí phê duyệt thuyết minh nhiệm vụ thuộc KH&CN, ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN.

4. Việc lưu giữ, quản lý hồ sơ gốc, công khai thông tin, hủy kết quả giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện Dự án KH&CN được áp dụng theo quy định tại Điều 16 và Điều 17 Thông tư số 20/2023/TT-BKHHCN.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN KH&CN

Điều 28. Ký kết hợp đồng, thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN

1. Sau khi có quyết định phê duyệt nhiệm vụ KH&CN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, căn cứ nhu cầu thực tế cho phép ký Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN với tiến độ triển khai những nội dung công việc sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước phù hợp với thời điểm được giao kinh phí.

2. Ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN:

a) Đơn vị quản lý kinh phí và Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN (là bên A) ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN với Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN (là bên B), trừ các trường hợp được quy định tại điểm b khoản này.

Hợp đồng thực hiện theo Mẫu F1-HĐNV-DAKHHCN tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Đơn vị quản lý kinh phí (là bên A) ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN với Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm (là bên B) đối với các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN do Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN trực tiếp chủ trì thực hiện.

Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo mẫu quy định tại Thông tư số 05/2014/TT-BKHHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và Biên bản thanh lý Hợp đồng.

4. Thanh lý hợp đồng:

a) Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ với Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN sau khi có kết quả đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN, trừ trường hợp được quy định tại điểm b khoản này.

Thanh lý hợp đồng theo mẫu F2-TLNV-DAKHHCN tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Bộ Khoa học và Công nghệ thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ với Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm đối với nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN do Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN trực tiếp chủ trì thực hiện sau khi có kết quả đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN.

Thanh lý hợp đồng theo mẫu quy định tại Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và Biên bản thanh lý Hợp đồng.

c) Trình tự, thủ tục thanh lý hợp đồng thực hiện Dự án KH&CN, các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN theo quy định hiện hành đối với các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia.

Điều 29. Quản lý tài chính, tài sản của Dự án KH&CN

1. Kinh phí thực hiện Dự án KH&CN bao gồm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN và kinh phí chi cho công tác quản lý dự án KH&CN và các nhiệm vụ KH&CN được bảo đảm từ các nguồn:

a) Ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ được cân đối trong dự toán ngân sách Nhà nước hằng năm;

b) Kinh phí của Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN;

c) Kinh phí huy động từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm trọng điểm, chủ lực và các nguồn khác.

2. Nội dung chi ngân sách nhà nước của các Dự án KH&CN:

a) Chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN bao gồm: áp dụng mục chi, nội dung chi, định mức chi theo quy định hiện hành đối với các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia;

b) Chi công tác quản lý Dự án KH&CN và các nhiệm vụ KH&CN.

3. Công tác lập dự toán, giao, phân bổ, cấp và thanh quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN, kinh phí phục vụ công tác quản lý Dự án KH&CN và các nhiệm vụ KH&CN được thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý tài chính đối với nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ quy định.

4. Quản lý, xử lý tài sản của các nhiệm vụ KH&CN:

Quản lý, sử dụng và xử lý tài sản hình thành thông qua thực hiện nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước; Thông tư số 02/2020/TT-BKHCN ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành khoản 1 Điều 41 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP và các quy định pháp luật liên quan về quản lý thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 30. Kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện Dự án KH&CN, các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN

1. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Cơ quan đề xuất đặt hàng, Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN xem xét điều chỉnh Dự án KH&CN phù

hợp với điều chỉnh của dự án đầu tư sản xuất sản phẩm trọng điểm, chủ lực trong các trường hợp sau:

a) Dự án đầu tư sản xuất sản phẩm trọng điểm, chủ lực có một trong các điều chỉnh về mục tiêu, sản phẩm, thời gian thực hiện;

b) Một trong các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN thực hiện việc điều chỉnh.

2. Chấm dứt thực hiện Dự án KH&CN trong các trường hợp sau:

a) Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn;

b) Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

c) Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN theo quy định pháp luật;

d) Bộ Khoa học và Công nghệ vi phạm một trong các điều kiện dẫn đến việc nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN không thể tiếp tục thực hiện do:

- Không cấp đủ kinh phí theo tiến độ thực hiện nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN mà không có lý do chính đáng;

- Không kịp thời giải quyết những kiến nghị, đề xuất của tổ chức chủ trì nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN theo quy định của pháp luật;

đ) Một trong các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN bị dừng thực hiện hoặc kết quả đánh giá, nghiệm thu cấp quốc gia xếp loại ở mức “Không đạt”.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Cơ quan đề xuất đặt hàng thực hiện việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện Dự án KH&CN, các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN theo quy định tại Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 31. Đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ thuộc Dự án khoa học và công nghệ

1. Đánh giá nghiệm thu cấp quốc gia các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN:

a) Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN và Cơ quan đề xuất đặt hàng tổ chức đánh giá, nghiệm thu cấp quốc gia các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN, trừ các nhiệm vụ được quy định ở điểm b khoản này;

b) Đối với các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN do Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN trực tiếp chủ trì thực hiện: Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Cơ quan đề xuất đặt hàng đánh giá nghiệm thu cấp quốc gia.

2. Trình tự thủ tục thực hiện đánh giá, nghiệm thu các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN, Dự án KH&CN theo quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BKH&CN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 32. Tổng kết Dự án khoa học và công nghệ

1. Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và Cơ quan đề xuất đặt hàng tổ chức hội nghị, hội thảo tổng kết Dự án KH&CN sau khi hoàn thành việc đánh giá, nghiệm thu các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN.

2. Nội dung của hội nghị, hội thảo tổng kết Dự án KH&CN:

a) Đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện của Dự án KH&CN;

b) Tuyên truyền, phổ biến nhân rộng các kết quả thực hiện Dự án KH&CN.

3. Kinh phí thực hiện hội nghị, hội thảo tổng kết Dự án KH&CN được lấy từ nguồn vốn đối ứng của Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN.

Chương V

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ DỰ ÁN KH&CN

Điều 33. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Trách nhiệm của Đơn vị quản lý chuyên môn:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức xác định Dự án KH&CN, các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN trên cơ sở đề xuất của Cơ quan đề xuất đặt hàng trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt;

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện tuyển chọn, giao trực tiếp Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm Dự án KH&CN, Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm các nhiệm vụ thuộc KH&CN;

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ và Cơ quan đề xuất đặt hàng tổ chức thẩm định về nội dung, kinh phí, tiến độ thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt;

d) Phối hợp với các đơn vị chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp và cân đối kinh phí thực hiện Dự án KH&CN để bố trí vào kế hoạch ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ hằng năm;

đ) Phối hợp với Đơn vị quản lý kinh phí và các đơn vị chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN theo các hợp đồng đã ký kết; điều chỉnh hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Thông tư này;

e) Phối hợp với Đơn vị quản lý kinh phí, Cơ quan đề xuất đặt hàng và Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN, tổ chức chủ trì các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN tổ chức đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả và thanh lý hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN;

ê) Phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, Cơ quan đề xuất đặt hàng, Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN tổng kết Dự án KH&CN.

2. Trách nhiệm của Đơn vị quản lý kinh phí:

a) Phối hợp với Đơn vị quản lý chuyên môn, các đơn vị chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức xác định Dự án KH&CN, các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN; tuyển chọn, giao trực tiếp Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm Dự án KH&CN, Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm các nhiệm vụ thuộc KH&CN; thẩm định về nội dung, kinh phí, tiến độ thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN;

b) Chủ trì, phối hợp với Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN ký hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ KH&CN với Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm các nhiệm vụ KH&CN;

c) Chủ trì, phối hợp với Đơn vị quản lý chuyên môn và các đơn vị chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN phù hợp với các quy định hiện hành trong lĩnh vực đấu thầu;

d) Chủ trì, phối hợp với Đơn vị quản lý chuyên môn và các đơn vị chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN theo hợp đồng đã ký kết; điều chỉnh hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Thông tư này;

đ) Chủ trì cấp và thanh quyết toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN;

e) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, cân đối kinh phí thực hiện Dự án KH&CN để bố trí vào kế hoạch ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ hằng năm;

ê) Chủ trì, phối hợp với Đơn vị quản lý chuyên môn, Cơ quan đề xuất đặt hàng, Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN và Tổ chức chủ trì tổ chức đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả và thanh lý hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN;

g) Chủ trì, phối hợp với Đơn vị quản lý nhiệm vụ, Cơ quan đề xuất đặt hàng, Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN tổ chức tổng kết Dự án KH&CN.

Điều 34. Trách nhiệm của Cơ quan đề xuất đặt hàng

1. Đề xuất đặt hàng Dự án KH&CN với Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.
2. Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc xác định Dự án KH&CN, các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN; tuyển chọn, giao trực tiếp Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm Dự án KH&CN, Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm các nhiệm vụ thuộc KH&CN; thẩm định về nội dung, kinh phí, tiến độ thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN.
3. Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét điều chỉnh, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Dự án KH&CN.
4. Chịu trách nhiệm hỗ trợ ứng dụng các kết quả nghiên cứu của Dự án KH&CN đã đề xuất đặt hàng; tổng hợp, báo cáo kết quả ứng dụng về Bộ Khoa học và Công nghệ.
5. Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ đánh giá nghiệm thu cấp quốc gia các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN.
6. Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ tổng kết Dự án KH&CN.

Điều 35. Trách nhiệm của Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN

1. Đề xuất, trình cấp có thẩm quyền Dự án KH&CN, các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN; kiến nghị về phương thức tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN thuộc Dự án KH&CN theo quy định.
2. Xây dựng, chuẩn bị hồ sơ Dự án KH&CN theo quy định.
3. Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Cơ quan đề xuất đặt hàng trong việc tuyển chọn, giao trực tiếp Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN; thẩm định nội dung, kinh phí, tiến độ thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN.
4. Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ đồng ký hợp đồng với Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 của Thông tư này.
5. Hỗ trợ Tổ chức chủ trì nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN triển khai thực hiện nội dung KH&CN theo hợp đồng.
6. Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Cơ quan đề xuất đặt hàng tổ chức điều hành, hướng dẫn, kiểm tra tình hình thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN; phát hiện và đề xuất phương án giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án KH&CN và báo cáo Cơ quan đề xuất đặt hàng, Bộ Khoa học và Công nghệ; định kỳ báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Dự án KH&CN gửi Cơ quan đề xuất đặt hàng và Bộ Khoa học và Công nghệ.

7. Tổng hợp và báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ về tình hình cấp phát, sử dụng và quyết toán kinh phí hằng năm và tổng quyết toán các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN khi kết thúc Dự án KH&CN.

8. Phối hợp với Tổ chức chủ trì nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp quốc gia theo quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BKH&CN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước đối với các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN.

9. Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Cơ quan đề xuất đặt hàng tổ chức đánh giá nghiệm thu cấp quốc gia các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN.

10. Báo cáo tiến độ thực hiện dự án đầu tư sản xuất sản phẩm trọng điểm, chủ lực và các nội dung điều chỉnh (nếu có) liên quan đến việc ứng dụng các kết quả của Dự án KH&CN.

11. Báo cáo đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện Dự án KH&CN.

12. Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Cơ quan đề xuất đặt hàng tổ chức hội nghị, hội thảo tổng kết Dự án KH&CN.

13. Tổ chức đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ từ kết quả của Dự án KH&CN theo quy định của pháp luật.

14. Triển khai áp dụng kết quả của các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN vào sản xuất phù hợp với tiến độ của dự án đầu tư sản xuất sản phẩm trọng điểm, chủ lực.

15. Chịu trách nhiệm với Cơ quan đề xuất đặt hàng, Bộ Khoa học và Công nghệ về tổ chức thực hiện, kết quả và ứng dụng kết quả Dự án KH&CN.

Điều 36. Trách nhiệm của Tổ chức chủ trì nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN

1. Xây dựng và hoàn thiện thuyết minh nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN được giao chủ trì thực hiện.

2. Lựa chọn, đề xuất cá nhân có đủ trình độ chuyên môn và năng lực tổ chức thực hiện để làm chủ nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN.

3. Ký kết hợp đồng khoa học và công nghệ với Bộ Khoa học và Công nghệ và Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN; ký kết hợp đồng thuê khoán với tổ chức, cá nhân thực hiện các nội dung của nhiệm vụ.

4. Bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, tài chính, nhân lực, khả năng phối hợp, triển khai nghiên cứu để thực hiện thành công nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN theo cam kết trong hợp đồng khoa học và công nghệ.

5. Chịu sự điều hành, giám sát về tiến độ, nội dung của Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm Dự án KH&CN, Bộ Khoa học và Công nghệ.

6. Xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ sử dụng ngân sách nhà nước của các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN gửi Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt.

7. Sử dụng có hiệu quả kinh phí được cấp để thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký với Bộ Khoa học và Công nghệ và Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN; cấp đủ và bảo đảm tiến độ kinh phí từ các nguồn kinh phí đã cam kết trong hợp đồng cho chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của nhiệm vụ; thực hiện lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định hiện hành.

8. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình triển khai nhiệm vụ, báo cáo quyết toán kinh phí nhiệm vụ với Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN và Bộ Khoa học và Công nghệ.

9. Có trách nhiệm quản lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc tạo ra (nếu có) từ kết quả thực hiện nhiệm vụ cho tới khi có quyết định xử lý các tài sản đó của cơ quan lý nhà nước có thẩm quyền.

10. Tổ chức đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ từ kết quả của nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

11. Phối hợp với Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp quốc gia theo quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BKH&CN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước đối với các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN.

12. Đáp ứng các yêu cầu phục vụ đánh giá nghiệm thu cấp quốc gia đối với nhiệm vụ; thực hiện việc đăng ký, giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN theo quy định hiện hành.

13. Tổ chức quản lý, khai thác, chuyển giao các kết quả của nhiệm vụ cấp quốc gia, được hưởng các quyền lợi và chịu trách nhiệm phân phối các lợi ích từ các hoạt động trên theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Trách nhiệm của chủ nhiệm Dự án KH&CN, chủ nhiệm nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN

1. Trách nhiệm của chủ nhiệm Dự án KH&CN:

a) Ký hợp đồng thực hiện Dự án KH&CN, nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN theo quy định tại Điều 28 của Thông tư này;

b) Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về giá trị khoa học, trình độ công nghệ, hiệu quả của Dự án KH&CN, nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN; có phương án ứng dụng kết quả hoặc thương mại hoá sản phẩm từ kết quả của Dự án KH&CN;

c) Sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả; thực hiện báo cáo, thanh quyết toán kinh phí và quản lý kinh phí của Dự án KH&CN, nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN theo quy định hiện hành;

d) Đề xuất, kiến nghị với Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN về điều chỉnh nội dung, sản phẩm, kinh phí và tiến độ của các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN;

đ) Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện Dự án KH&CN, nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN theo hợp đồng; báo cáo định kỳ hằng năm, báo cáo đột xuất về tình hình triển khai nhiệm vụ, sử dụng kinh phí của Dự án KH&CN, nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN;

e) Thực hiện việc đăng ký, giao nộp, chuyển giao kết quả, sản phẩm của Dự án KH&CN, nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN theo quy định hiện hành;

g) Phối hợp với Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN, Tổ chức chủ trì nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của chủ nhiệm nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN:

a) Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN theo quy định tại Điều 28 của Thông tư này;

b) Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về giá trị khoa học, trình độ công nghệ, hiệu quả của nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN; có phương án ứng dụng kết quả hoặc thương mại hoá sản phẩm từ kết quả của nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN;

c) Sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả; thực hiện báo cáo, thanh quyết toán kinh phí và quản lý kinh phí của nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN theo quy định hiện hành;

d) Đề xuất, kiến nghị với Tổ chức chủ trì nhiệm vụ về điều chỉnh nội dung, sản phẩm, kinh phí và tiến độ của các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN;

đ) Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN theo hợp đồng; báo cáo định kỳ hằng năm, báo cáo đột xuất về tình hình triển khai nhiệm vụ, sử dụng kinh phí của nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN;

e) Thực hiện việc đăng ký, giao nộp, chuyển giao kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN theo quy định hiện hành;

g) Phối hợp với Tổ chức chủ trì nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 38. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các Dự án KH&CN được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt danh mục thực hiện trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định của Thông tư số 18/2016/TT-BKH&CN ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc xây dựng và quản lý Dự án KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 39. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng ... năm 2024.
2. Thông tư số 18/2016/TT-BKH&CN ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc xây dựng và quản lý Dự án KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.
3. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật mới.

Điều 40. Tổ chức thực hiện

1. Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cơ quan nhà nước khác ở trung ương căn cứ Thông tư này hướng dẫn đề xuất các Dự án KH&CN phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội nhằm mục đích phát huy hiệu quả của khoa học công nghệ đối với sản xuất và đời sống.
2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (đề b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (đề b/c);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ KH&CN;
- Bộ KH&CN: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Lưu: VT, PC, XNT.

BỘ TRƯỞNG

Huỳnh Thành Đạt